

Số: 41 /2015/QĐ-UBND

Thủ Dầu Một, ngày 30 tháng 9 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 17/2013/QĐ-UBND ngày 20/6/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chuyển giao thẩm quyền chứng thực hợp đồng, giao dịch cho tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh Bình Dương, đã được bổ sung bởi Quyết định số 36/2013/QĐ-UBND ngày 11/11/2013

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Công chứng ngày 20 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng;

Căn cứ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;

Căn cứ Thông tư số 03/2008/TT-BTP ngày 25/8/2008 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 1299/TTr-STP ngày 22/9/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, Điều 1 Quyết định số 17/2013/QĐ-UBND ngày 20/6/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chuyển giao thẩm quyền chứng thực hợp đồng, giao dịch cho tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh Bình Dương, đã được bổ sung bởi Quyết định số 36/2013/QĐ-UBND ngày 11/11/2013, như sau:

“3. Đối với các hợp đồng, giao dịch sau đây cá nhân, tổ chức được quyền lựa chọn công chứng tại tổ chức hành nghề công chứng hoặc chứng thực tại Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của pháp luật:

a) Các hợp đồng, giao dịch về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại các xã, thị trấn chưa được chuyển giao sang tổ chức hành nghề công chứng thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Hợp đồng cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp; hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất mà một bên hoặc các bên tham gia giao dịch là tổ chức hoạt động kinh doanh bất động sản;

c) Hợp đồng mua bán, cho thuê mua nhà ở thuộc sở hữu nhà nước; mua bán, cho thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở phục vụ tái định cư; góp vốn bằng nhà ở mà có một bên là tổ chức; cho thuê, cho mượn, cho ở nhờ, ủy quyền quản lý nhà ở;

d) Hợp đồng ủy quyền không có thù lao, không có nghĩa vụ bồi thường của bên được ủy quyền hoặc không nhằm để chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng bất động sản;

đ) Di chúc;


e) Văn bản từ chối nhận di sản;

g) Các hợp đồng, giao dịch khác (không phải hợp đồng, giao dịch về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất) mà pháp luật quy định Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền chứng thực”.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: 

- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND tỉnh; Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Các sở, ngành tỉnh; *zc*
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo tỉnh, Website tỉnh;
- LĐVP, CV, TH;
- Lưu: VT. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Văn Nam